

Tổng quan hệ thống về sự thay đổi vai trò của chuyên viên thư viện đại học¹

TS Ngô Thị Huyền

Trường Đại học KHXH&NV, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh

Tóm tắt: Bài viết trình bày kết quả của một tổng quan hệ thống về sự thay đổi vai trò của chuyên viên thư viện đại học trong những năm gần đây. Dựa trên việc phân tích các bài báo khoa học được công bố trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến tháng 4 năm 2021, nghiên cứu đã xác định được 8 vai trò của chuyên viên thư viện đại học gồm chuyên viên thư viện chuyên sâu, chuyên viên thư viện hỗ trợ nhân văn số, phát triển năng lực thông tin và các năng lực khác, nhà cung cấp thông tin số, nhà quản lý tri thức, hỗ trợ người sử dụng bằng các ngôn ngữ khác, phục vụ các nhóm người sử dụng đặc biệt và hỗ trợ người sử dụng trong bối cảnh đại dịch Covid-19.

Từ khóa: Tổng quan hệ thống; chuyên viên thư viện đại học.

THE CHANGING ROLES OF ACADEMIC LIBRARIANS: A SYSTEMATIC REVIEW

Abstract: This article presents the results of a systematic review of the changing roles of university librarians in recent years. Based on an analysis of scientific articles published from 2015 to April 2021, the study identified eight roles of academic librarians, including embedded librarians, librarians supporting digital humanities, developing information literacy and other competencies: digital information providers, knowledge managers, supporting users in other languages, serving groups of special users, and supporting users in the context of the Covid-19 pandemic.

Keywords: Systematic review; academic librarian.

1. Giới thiệu

Chuyên viên thư viện đại học (academic librarian) (CVTVĐH) nắm giữ nhiều vai trò truyền thống như hỗ trợ môn học, đào tạo, quản lý việc đăng ký theo dõi các tạp chí, phát triển bộ sưu tập và tương tác với người sử dụng. Các vai trò truyền thống này hiện nay tiếp tục được duy trì nhưng cần được đánh giá lại theo yêu cầu của bối cảnh giáo dục, nghiên cứu và công nghệ mới [Harrison R, 2018]. Trong thập kỷ qua, sự chuyển đổi mạnh mẽ trong giáo dục đại học, sự thay đổi trong bối cảnh nghiên cứu và học thuật cùng những tiến bộ không ngừng của công nghệ đã tác động đáng kể đến vai trò của CVTVĐH [Ducas A, Michaud-Oustryk N and Speare M, 2020]. CVTVĐH cần phải xác định lại vai trò của mình trong bối cảnh

giáo dục, nghiên cứu và công nghệ mới để cung cấp các dịch vụ hỗ trợ người sử dụng ở cấp độ cao hơn [Shaffer C, 2013].

Nhiều nghiên cứu được thực hiện trong các lĩnh vực, địa điểm và khung thời gian khác nhau chỉ ra rằng vai trò của CVTVĐH đã thay đổi [Nakitare J, Sawe E, Nyambala J and Kwanya T, 2020]. Để cung cấp kiến thức cập nhật về vai trò của CVTVĐH, nghiên cứu này được thực hiện để tìm hiểu sự chuyển đổi vai trò của CVTVĐH trong những năm gần đây bằng cách sử dụng phương pháp tổng quan hệ thống (systematic review).

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Vai trò của CVTVĐH đã được khám phá trong một số nghiên cứu được thực hiện bởi Halder S (2009), Cox A and Corral S (2013), Vassilakaki E and Moniarou-Papaconstantinou

¹Nghiên cứu được tài trợ bởi Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh trong khuôn khổ Đề tài mã số T2021-05.

V (2015) và Llewellyn A (2019). Các nghiên cứu này chủ yếu sử dụng phương pháp tổng quan tài liệu và đã cho thấy được sự thay đổi trong vai trò của CVTVĐH trong nghiên cứu cũng như giáo dục qua các giai đoạn khác nhau. Trong đó, Halder S (2009) đã thảo luận về các vai trò mới của chuyên viên TT-TV như là quản lý hiệp hội, tư vấn, quản lý nội dung, hỗ trợ, hướng dẫn/giáo viên, người trung gian, quản lý kiến thức, nhà nghiên cứu, người sàng lọc và nhà thiết kế web. Cox A and Corrall S (2013) tìm hiểu vị trí của CVTVĐH thông qua việc xem xét các tài liệu về đặc điểm của ngành nghề. Các vị trí chuyên viên thư viện được xem xét gồm chuyên viên thư viện hệ thống, chuyên viên thư viện tài nguyên điện tử, chuyên viên thư viện kỹ thuật số, quản lý kho lưu trữ của tổ chức, nhà cung cấp thông tin, quản lý kỹ thuật số/quản lý dữ liệu nghiên cứu, chuyên viên thư viện giảng dạy/nhà giáo dục thông tin, và quản lý thông tin và kiến thức. Nghiên cứu đã chỉ ra vai trò của các chuyên viên thư viện và sự tham gia của họ vào các hoạt động như giảng dạy, truy cập mở và quản lý dữ liệu. Vassilakaki E and Moniarou-Papaconstantinou V (2015) trình bày một tổng quan về vai trò mới của chuyên viên thư viện nói chung từ năm 2000 đến 2014. Nghiên cứu đã chỉ ra sự tham gia chủ động và trách nhiệm của chuyên viên TT-TV trong hoạt động học tập và nghiên cứu. Tương tự, Llewellyn A (2019) đã thực hiện một tổng quan tài liệu nhằm khám phá bản chất thay đổi của thư viện đại học và vai trò của CVTVĐH trong bối cảnh thay đổi của xã hội và giáo dục đại học. Tổng quan tài liệu đã xác định những đổi mới của thư viện đại học trong học tập kỹ thuật số, hợp tác và đồng sáng tạo, trải nghiệm của sinh viên và thiết kế không gian học tập phù hợp với các phương pháp sư phạm hiện hành.

Những thay đổi này của thư viện đại học đã giúp xác định vai trò và mối quan hệ mới của CVTVĐH.

Quá trình xem xét lịch sử nghiên cứu vấn đề cho thấy vai trò của CVTVĐH đã được các nhà nghiên cứu trên thế giới khám phá thông qua phương pháp tổng quan tài liệu. Tuy nhiên, vấn đề này vẫn chưa nhận được sự quan tâm của các nhà nghiên cứu tại Việt Nam. Điều này được chứng minh thông qua sự thiếu hụt các công bố khoa học dưới dạng tổng quan tài liệu về vai trò của CVTVĐH tại Việt Nam.

3. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện tổng quan hệ thống, nghiên cứu tiến hành tìm kiếm tài liệu trong 5 cơ sở dữ liệu (CSDL) nước ngoài và 2 tạp chí chuyên ngành TT-TV tại Việt Nam. Các CSDL nước ngoài gồm (1) Education Resources Information Center (ERIC), (2) E-prints in Library and Information Science (e-LiS), (3) Google Scholar, (4) Information Science and Technology Abstracts (LISTA), (5) Web of Sciences (WoS). Hai tạp chí chuyên ngành TT-TV tại Việt Nam gồm (1) Tạp chí Thông tin và Tư liệu, (2) Tạp chí Thư viện Việt Nam.

Đối với các CSDL nước ngoài, chiến lược tìm tài liệu được thực hiện như sau:

- Công thức tìm: “academic librarian role” OR “academic information professional role” OR (“librarian role” AND “academic librar*”) OR (“information professional role” AND “academic librar*”);

- Tìm trong nhan đề tài liệu (title) và từ khoá (keyword);

- Giới hạn thời gian tìm từ năm 2015 đến ngày 30/04/2021;

- Chọn các bài báo có phản biện (peer-reviewed articles).

Đối với hai tạp chí chuyên ngành TT-TV của Việt Nam, nghiên cứu tiến hành xem

xét tất cả các bài báo đã được công bố, cụ thể: Tạp chí Thông tin và Tư liệu (từ năm 2015 đến 2020) và Tạp chí Thư viện Việt Nam (từ năm 2015 đến 2019).

Kết quả tìm được 111 bài báo, trong đó có 110 bài báo từ các CSDL nước ngoài và 01 bài báo từ tạp chí chuyên ngành của Việt Nam. Sau đó, các bài báo tiếp tục được chọn lọc thông qua quá trình đọc lướt các tóm tắt để đảm bảo bài báo có liên quan đến vấn đề nghiên cứu là vai trò của CVTVĐH. Các bài

báo không liên quan đến vấn đề nghiên cứu đã bị loại. Tiêu chí loại như sau:

- Không tập trung vào bối cảnh là thư viện đại học mà tập trung vào các bối cảnh khác như bảo tàng, cơ sở y tế,...;
- Tập trung vào chuyên viên công nghệ thông tin;
- Trùng lặp giữa các CSDL.

Sau quá trình chọn lọc, số lượng bài báo được sử dụng để phân tích là 30 bài (Bảng 1).

Bảng 1. Số lượng bài báo trong giai đoạn từ 2015 đến 30 tháng 04 năm 2021

Năm	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Số lượng bài báo	5	1	4	7	8	4	1

Các bài báo được phân tích bằng phương pháp phân tích chủ đề để xác định các vai trò của CVTVĐH thông qua việc đọc toàn văn bài báo.

4. Kết quả nghiên cứu

Kết quả phân tích các bài báo giúp xác định tám chủ đề về vai trò của CVTVĐH gồm: chuyên viên thư viện chuyên sâu, chuyên viên thư viện hỗ trợ nhân văn số, phát triển năng lực thông tin và các năng lực khác, nhà cung cấp thông tin số, nhà quản lý tri thức, hỗ trợ người sử dụng bằng các ngôn ngữ khác, phục vụ các nhóm người sử dụng đặc biệt và hỗ trợ người sử dụng trong bối cảnh đại dịch Covid-19.

4.1. Chuyên viên thư viện chuyên sâu

Tổng quan tài liệu cho thấy, chuyên viên thư viện chuyên sâu (tạm dịch từ thuật ngữ tiếng Anh “Embedded Librarian”) được xem là vai trò nổi bật của CVTVĐH trong những năm gần đây. Việc sử dụng ngày càng phổ biến thuật ngữ này đã cho thấy sự phát triển về vai trò của chuyên viên thư viện chuyên sâu [Gonza lez-Alcaide G and Poveda-Pastor I, 2018]. Từ “embedded” được dịch theo nghĩa đen sang tiếng Việt là

“nhúng” hoặc “gắn vào”. Chuyên viên thư viện chuyên sâu thường được định nghĩa là những chuyên viên thư viện làm việc “bên ngoài” các bức tường truyền thống của thư viện [Bedi S and Walde C, 2017]. Cách hiểu này cho thấy, chuyên viên thư viện chuyên sâu là người tham gia sâu sắc vào các hoạt động giảng dạy và nghiên cứu thay vì chỉ đóng vai trò là người làm việc trong thư viện một cách truyền thống. Theo Gonza lez-Alcaide G and Poveda-Pastor I (2018), chuyên viên thư viện chuyên sâu tham gia vào các khóa học một cách sâu sắc để cung cấp sự trợ giúp nhất quán và cá nhân hóa hơn cho người học. Vị trí này đặc biệt hữu ích cho các lớp học trực tuyến có lồng ghép yếu tố nghiên cứu.

Đối với hoạt động nghiên cứu, chuyên viên thư viện chuyên sâu hỗ trợ và tham gia tích cực, chủ động vào các dự án nghiên cứu. Trong nghiên cứu về sự chuyển đổi của thư viện đại học tại Canada, Bedi S and Walde C (2017) đã chỉ ra vai trò quan trọng của CVTVĐH đối với các dự án nghiên cứu của các khoa đào tạo, điển hình như cung cấp các dịch vụ nghiên cứu, phát triển kỹ

năng nghiên cứu cho các giảng viên và là đối tác cần thiết cho các dự án nghiên cứu hợp tác. Bedi S and Walde C (2017) cũng cho rằng, chuyên viên thư viện chuyên sâu đôi khi đóng vai trò như thành viên của dự án, quản lý dự án và thậm chí là nhà nghiên cứu chính (principal investigator). Nghiên cứu của Inuwa S and Abrizah A (2018) chỉ ra vai trò chuyên sâu của chuyên viên thư viện khi chuyển từ vai trò hỗ trợ sang quan hệ đối tác với các nhóm khách hàng trong các dự án nghiên cứu. Sáu hoạt động mà chuyên viên thư viện có thể tham gia gồm (1) nghiên cứu và xuất bản các bài báo, (2) biên tập các tạp chí quốc gia hoặc duyệt các bản thảo xuất bản, (3) quản lý vòng đời của dữ liệu, (4) phổ biến kết quả nghiên cứu, (5) cung cấp dịch vụ xuất bản học thuật và phân tích trắc lượng thư mục, (6) tổ chức các khóa học về phương pháp nghiên cứu. Những vai trò này nâng cao giá trị của chuyên viên thư viện trong tổ chức và cộng đồng học thuật. Tương tự, Ducas A et al. (2020) chỉ ra rằng, việc hỗ trợ nghiên cứu cần phải vượt ra khỏi những hỗ trợ truyền thống trước đây khi mà CVTVĐH ít tham gia vào việc phát triển các công cụ quản lý dữ liệu và phát triển chính sách cho tổ chức. Nghiên cứu cho thấy vai trò hỗ trợ nghiên cứu của CVTVĐH trong các hoạt động gồm: khám phá thông tin, tổng quan hệ thống, nộp hồ sơ xin tài trợ nghiên cứu, trắc lượng thư mục và quản lý dữ liệu. Trong đó, đối với vai trò quản lý dữ liệu nghiên cứu và cung cấp dịch vụ trắc lượng thư mục, CVTVĐH cần cho thấy khả năng: (1) hỗ trợ sử dụng công nghệ, cơ sở hạ tầng và công cụ; (2) hỗ trợ lưu trữ dữ liệu trong kho lưu trữ của tổ chức; (3) tìm kiếm các tập dữ liệu bên ngoài. Đối với các dịch vụ trắc lượng thư mục (bibliometric services), CVTVĐH cần cung cấp được các tập huấn về trắc lượng thư mục, các bản

báo cáo trích dẫn, và các chỉ số thay thế để đo lường mức độ ảnh hưởng của một công trình nghiên cứu (altmetrics). Bên cạnh đó, Nitecki D and Davis M (2019) nhận định rằng, CVTVĐH ngày càng mở rộng phạm vi của họ trong hoạt động hỗ trợ nghiên cứu gồm (1) chia sẻ tương tác và tái sử dụng dữ liệu, (2) quản lý dữ liệu nghiên cứu mở, (3) quản lý tài sản trí tuệ, (4) tạo ra các mối quan hệ đối tác bên ngoài thư viện. Corral S and Jolly L (2019) nhận thấy sự tập trung trong các thư viện đại học đang dần chú trọng vào hoạt động nhân văn số, quản lý dữ liệu và khoa học mở. Điều này đã tạo cơ hội cho các CVTVĐH mở rộng vai trò của họ trong lĩnh vực nghiên cứu, điển hình như tìm kiếm tài liệu mở và tập huấn cho giảng viên về nguồn học liệu mở theo phương thức đào tạo trực tuyến dựa trên việc kết hợp tài liệu đào tạo từ các cơ sở khác. Llewellyn A (2019) khẳng định, CVTVĐH cần hỗ trợ các hoạt động như: (1) xuất bản số, (2) quản lý các quy trình cấp phép và bản quyền cũng như sự phát triển của các tài liệu truy cập mở và các diễn đàn xuất bản mở trực tuyến, (3) cung cấp các dịch vụ trắc lượng thư mục, (4) phân tích quy trình làm việc, (5) phân tích trích dẫn và các phương thức mới để các học giả tiếp cận dữ liệu và thông tin, (6) hợp tác với giảng viên trong quá trình nghiên cứu. Trong khi đó, Ohaji I, Chawner B and Yoong P (2019) đặc biệt nhấn mạnh vào vai trò quản lý dữ liệu nghiên cứu của CVTVĐH vì tính bền vững và khả năng tái sử dụng của dữ liệu nghiên cứu. Nhấn mạnh vào yếu tố mở của dữ liệu nghiên cứu, Braddlee D and VanScoy A (2019) chỉ ra rằng, các chuyên viên thư viện cần tăng cường vai trò của họ trong việc tạo lập và quản lý dữ liệu nghiên cứu mở (open research data) thông qua đánh giá, đào tạo và giám tuyển (curation). Tương tự, khi tìm hiểu vai trò của chuyên

gia thông tin trong hỗ trợ truyền thông học thuật truy cập mở tại các trường đại học khoa học sức khỏe tại Tanzania, Lwoga E and Questier F (2015) đề xuất các thư viện đại học và chuyên viên thư viện nên cung cấp các dịch vụ thông tin tập trung vào các vấn đề liên quan đến truy cập mở như quản lý bản quyền để hỗ trợ các nhà nghiên cứu hiểu được các thông tin pháp lý về việc tự lưu trữ kết quả nghiên cứu của họ. Cũng liên quan đến yếu tố bản quyền, dựa trên nghiên cứu dịch vụ thông tin bằng sáng chế (patent information service) tại thư viện trường Đại học Công nghệ Nanjing, Trung Quốc, Feng J và Zhao N (2015) chỉ ra rằng, vai trò của CVTVĐH đã được mở rộng thành “chuyên gia bằng sáng chế” (Patent Specialist). Đây là những người hợp tác chặt chẽ với các nhà nghiên cứu, tham gia vào các nhóm nghiên cứu, đồng thời giúp các nhà nghiên cứu sử dụng đầy đủ các nguồn thông tin bằng sáng chế và cải tiến hiệu quả hơn trong nghiên cứu.

Đối với hoạt động giảng dạy và học tập, chuyên viên thư viện chuyên sâu tham gia vào việc thiết kế chương trình giảng dạy hoặc các hoạt động đồng giảng dạy với đội ngũ giảng viên. Đặc điểm chính của chuyên viên thư viện chuyên sâu là sự phối hợp giữa chuyên viên thư viện và giảng viên [Bedi S and Walde C, 2017]. Chuyển đổi số đã có tác động đáng kể đến bản chất của việc học, tạo cơ hội mới cho các thư viện đại học để chuyển đổi cách thức tham gia vào học tập và giảng dạy trong các trường đại học. Urkunde G (2018) nhận định, CVTVĐH chuyển đổi vai trò của họ trong môi trường số bằng cách tham gia vào các hoạt động e-learning của trường đại học, trong đó đặc biệt nhấn mạnh vào vai trò đánh giá chất lượng giảng dạy. Ciccone A and Hounslow L (2019) chỉ ra rằng, chuyên viên

thư viện cần có hiểu biết cơ bản về phần mềm mới nhất trong quản lý thông tin và giảng dạy trực tuyến, phát triển các nguồn lực cho việc dạy và học, hiểu biết về việc xây dựng chương trình đào tạo và phương pháp sư phạm để tạo ra chương trình giảng dạy phù hợp. Nghiên cứu của Rahman M (2019) cho thấy rằng, trong kỷ nguyên số, chuyên viên thư viện phải có phẩm chất lãnh đạo, kỹ năng quản lý, sự hiểu biết về các chủ đề chuyên sâu, kỹ năng đào tạo, kỹ năng sử dụng các công cụ công nghệ và kỹ năng truy xuất thông tin. Đồng thời, Llewellyn A (2019) đề cập đến vai trò của CVTVĐH trong việc hỗ trợ cho hoạt động học tập số (digital learning/e-learning), hợp tác và đồng sáng tạo, trải nghiệm của sinh viên và thiết kế không gian học tập phù hợp với các phương pháp sư phạm mới như tự học và học tập có sự hỗ trợ của bạn bè (peer-assisted learning). Với khuynh hướng thay đổi mô hình từ học trực tiếp sang học tập kết hợp và trực tuyến, các thư viện đại học đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển và hỗ trợ các nền tảng học tập (ví dụ, hệ thống quản lý học tập, công cụ đánh giá số và công cụ kiểm tra đạo văn) cũng như đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao nhận thức và cung cấp kiến thức về cấp phép, bản quyền và các tài nguyên giáo dục mở để đảm bảo rằng người học được tiếp cận với nhiều nguồn tài nguyên nhất có thể để hỗ trợ việc học tập của họ. Một trong những phương thức đào tạo trực tuyến có thể kể đến là MOOC (khóa học trực tuyến đại chúng mở, được triển khai thông qua internet không giới hạn số người tham dự). Trong bối cảnh này CVTVĐH cần tham gia hỗ trợ cho các hoạt động dạy và học từ xa, như: cung cấp các hướng dẫn để phát triển năng lực thông tin chuyên biệt, cung cấp các dịch vụ tham khảo bền vững, cung cấp các tài nguyên giáo dục mở và các bộ sưu

tập điện tử [Mune C, 2015]. Bên cạnh đó, Ducas A et al. (2020) chỉ ra rằng, vai trò hỗ trợ hoạt động dạy và học của CVTVĐH đã vượt ra khỏi phạm vi của việc hướng dẫn thư mục hay hướng dẫn trong các lớp học/hướng dẫn người sử dụng. Một số dịch vụ mới nhận được sự quan tâm của người sử dụng trong những năm gần đây có thể kể đến, như: tư vấn bản quyền, tập huấn giảng dạy cho các khoa, trợ lý giảng dạy, thiết kế các hướng dẫn, tham gia vào hệ thống quản lý khóa học, hỗ trợ học trực tuyến và thực hiện các video ngắn. Nhấn mạnh vào yếu tố chủ động, Appleton L and Staddon E (2017) cho rằng, CVTVĐH cần được trang bị để đóng vai trò chủ động trong hoạt động dạy và học dưới nhiều hình thức, bao gồm: giới thiệu (giới thiệu về thư viện, các bộ sưu tập và dịch vụ của thư viện), tập huấn kỹ năng thông tin, tham khảo, thảo luận riêng với các đồng nghiệp học thuật hoặc tư vấn học tập.

4.2. Chuyên viên thư viện hỗ trợ nhân văn số

Tổng quan tài liệu cho thấy, có sự chồng chéo lên nhau giữa vai trò chuyên viên thư viện chuyên sâu và chuyên viên thư viện hỗ trợ nhân văn số vì cùng đề cập đến sự hỗ trợ và tham gia của CVTVĐH trong các hoạt động học thuật số. Tuy nhiên, sự phát triển mạnh mẽ của nhân văn số (digital humanities) trong những năm gần đây cho thấy sự cần thiết và riêng biệt của những hỗ trợ do chuyên viên thư viện mang lại. Nhân văn số được hiểu là lĩnh vực nghiên cứu có sự giao thoa giữa công nghệ số/khoa học máy tính và khoa học nhân văn. Sự phát triển và quảng bá nội dung nhân văn số trong nghiên cứu, giảng dạy và học tập trong thư viện đại học hiện đại đã tác động đến vai trò của chuyên viên thư viện. Nghiên cứu của Burns J (2016) đã đưa ra các khuyến nghị liên quan đến việc phát triển các kỹ năng phù hợp cho CVTVĐH

để họ thể hiện vai trò của mình một cách hiệu quả trong nhân văn số. Thông qua một nghiên cứu về một dự án hợp tác về nhân văn số với sự tham gia của các CVTVĐH, các chuyên gia CNTT và học giả quốc tế, Zhang Y, Xue S và Xue Z (2021) đã khẳng định vai trò mới của chuyên viên thư viện trong các dự án nghiên cứu nhân văn số từ việc phát triển các sản phẩm truy cập mở, cung cấp các siêu dữ liệu, cho đến xuất bản. Dự án nghiên cứu đã chứng minh CVTVĐH có thể đi sâu vào lĩnh vực nhân văn số và tham gia vào vòng đời của truyền thông học thuật (scholarly communication). Nhấn mạnh vào khía cạnh truyền thông học thuật, thông qua nghiên cứu các dịch vụ thư viện trường Imperial College London, Harrison R (2018) khẳng định hỗ trợ truyền thông học thuật là tương lai của các CVTVĐH. Họ cần biết cách quản lý các mối quan hệ và hiểu tác động của sự phát triển truyền thông học thuật đối với cả sinh viên và học giả.

4.3. Phát triển năng lực thông tin và các năng lực khác

Vai trò phát triển năng lực thông tin cho người sử dụng đã được khẳng định từ lâu trong nhiều nghiên cứu trước đây. Trong nghiên cứu này, các tài liệu tiếp tục đề cập đến vai trò này của CVTVĐH. Corral S and Jolly L (2019) chỉ ra rằng, cần đặc biệt chú trọng vào việc phát triển, mở rộng và đa dạng hóa vai trò cốt lõi của CVTVĐH trong phát triển năng lực thông tin cho người sử dụng để đáp ứng yêu cầu của môi trường thông tin liên tục thay đổi. Kết quả khảo sát trong nghiên cứu của Chukwu S, Emezie N, Nwaohiri N and Chima-James N (2018) về sự thay đổi vai trò của CVTVĐH cho thấy, việc tham gia vào các chiến dịch phát triển năng lực thông tin nhận được sự đồng thuận cao của người tham gia nghiên cứu.

Appleton L and Staddon E (2017) nhận định, mỗi nhóm thư viện trường đại học cần có một số chuyên viên hỗ trợ học tập thể hiện vai trò của một người trung gian học thuật (giới thiệu và phát triển năng lực thông tin). Mặc dù vẫn đóng vai trò quan trọng trong hoạt động phát triển năng lực thông tin nhưng Llewellyn A (2019) cho rằng, đã có sự thay đổi mô hình trong vai trò của chuyên viên thư viện phát triển năng lực thông tin. Họ được xem là người làm công tác đào tạo, từ đó thực hiện các dự án dạy và học về năng lực thông tin thông qua nhiều phương thức khác nhau như hợp tác với các học giả, tích hợp các hướng dẫn về năng lực thông tin và chuẩn đầu ra của các hướng dẫn này vào chương trình giảng dạy chính thức. Đồng thời, với những thay đổi trong môi trường học thuật, việc phát triển năng lực thông tin cần tập trung vào phân tích nguồn và hiểu biết về tạo lập thông tin và kiến thức mới [Harrison R, 2018]. Trong bối cảnh giáo dục đại học của Việt Nam, cụ thể là Trung tâm TT-TV, Đại học Quốc gia Hà Nội [Nguyễn Hồng Minh, 2018] cũng đã cho thấy được sự cần thiết của CVTVĐH trong phát triển năng lực thông tin cho sinh viên.

Bên cạnh năng lực thông tin, CVTVĐH còn đóng vai trò trong việc phát triển các năng lực khác cho người sử dụng. Theo Bautista D, Durán C, García-Quismondo M and Álvarez C (2017), bên cạnh việc chú trọng vào phát triển năng lực thông tin cho người sử dụng, vai trò mới của CVTVĐH là tạo ra các liên kết thông tin giữa các nội dung học thuật và người sử dụng thông qua việc phát triển các năng lực khác như năng lực trực quan (visual literacy), năng lực dữ liệu (data literacy), năng lực truyền thông (media literacy) và năng lực thống kê (statistical literacy). Thực tiễn này đòi hỏi các thư viện đại học phải thiết kế lại

các chương trình đào tạo năng lực, nhận diện và áp dụng các năng lực mới cũng như đánh giá các năng lực này cho người sử dụng. Yearwood S et al. (2015) chỉ ra rằng, CVTVĐH không chỉ đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển năng lực thông tin mà còn phát triển năng lực học thuật, năng lực nghiên cứu cho người sử dụng.

4.4. Nhà cung cấp thông tin số

Trong bối cảnh phát triển của công nghệ số, CVTVĐH còn đóng vai trò là nhà cung cấp thông tin số. CVTVĐH chuyển từ vai trò trung gian chịu trách nhiệm hướng dẫn người sử dụng đến các nguồn thông tin thích hợp sang vai trò chuyên nghiệp hơn, bao gồm: phân tích và đóng gói thông tin, quản lý hệ thống quản lý thông tin nội dung và hệ thống quản lý kho kỹ thuật số [Urkunde G, 2018]. Theo Owusu P (2018), CVTVĐH cần có khả năng cung cấp tài nguyên thông tin cho người sử dụng, đặc biệt là các nhà nghiên cứu, học giả và thế hệ trẻ - những người sử dụng internet thường xuyên để cập nhật thông tin. Các chuyên viên cần có khả năng tạo lập trang web riêng, thu thập thông tin điện tử, tạo ra các công cụ tìm kiếm đường dẫn điện tử và công cụ tìm kiếm giao diện người dùng, phát triển các bộ sưu tập dự trữ điện tử (e-Reserve).

4.5. Nhà quản lý tri thức

Quản lý tri thức bao gồm việc xác định và phân tích kiến thức sẵn có và cần thiết, lập kế hoạch và kiểm soát các hành động tiếp theo để phát triển tài sản tri thức nhằm hoàn thành các mục tiêu của tổ chức. Các tổ chức trên toàn thế giới đang nhận ra lợi thế của việc sử dụng CVTVĐH trong hệ thống quản lý tri thức. Chuyên viên thư viện với tư cách là một bộ phận của hệ thống quản lý tri thức có thể tham gia một cách hiệu quả vào quá trình tạo ra tri thức, bao gồm cơ chế thu thập, khai thác và bảo vệ tri

thức cùng với việc tạo ra cơ sở hạ tầng bắt buộc với tư cách là người quản lý thông tin của tổ chức [Urkunde G, 2018].

4.6. Hỗ trợ người sử dụng bằng các ngôn ngữ khác

Một trong những nhiệm vụ của chuyên viên thư viện là giúp người sử dụng xác định nhu cầu thông tin của họ, cung cấp các từ khóa tốt nhất để truy xuất kết quả phù hợp, rèn luyện kỹ năng tìm kiếm và chọn công cụ phù hợp cho nghiên cứu của họ. Hiện nay, các thư viện đại học có khuynh hướng phát triển các bộ sưu tập bằng nhiều ngôn ngữ vì những lý do khác nhau, ví dụ như trường tuyển sinh sinh viên quốc tế hoặc đào tạo những ngành ngôn ngữ nước ngoài. Bên cạnh đó, ngày càng có nhiều nhà nghiên cứu muốn tìm hiểu các cơ sở dữ liệu có giá trị được công bố bằng những ngôn ngữ khác nhau. Vì vậy, CVTVĐH hiện nay cần có khả năng giúp người sử dụng tìm tài liệu bằng các ngôn ngữ khác, ngay cả khi chuyên viên thư viện không thể nói được ngôn ngữ đó. Ví dụ, hỗ trợ sinh viên Hàn Quốc tìm tài liệu tiếng Hàn ngay cả khi chuyên viên thư viện không phải là người thành thạo tiếng Hàn. Do đó, CVTVĐH cần thể hiện sự sẵn sàng và năng lực phù hợp để hỗ trợ cho người sử dụng tiếp cận tài nguyên thông tin bằng các ngôn ngữ khác nhau [VanderPol D and Sakr E, 2017].

4.7. Phục vụ các nhóm người sử dụng đặc biệt

Một trong những vai trò mới nổi của CVTVĐH là phục vụ các nhóm người sử dụng đặc biệt. Nghiên cứu của Todorinova L and Ortiz-Myers M (2019) tìm hiểu vai trò của thư viện đại học trong việc hỗ trợ sinh viên thuộc cộng đồng LGBT². Nghiên cứu này chỉ ra rằng nhu cầu của sinh viên thuộc

cộng đồng LGBT có những đặc điểm khác biệt so với các nhóm sinh viên khác. Vì vậy, vai trò của CVTVĐH là đảm bảo sự thân thiện trong cung cấp các dịch vụ cho sinh viên thuộc cộng đồng này. Sự đồng cảm của các chuyên viên thư viện mở ra khả năng có những thảo luận sâu sắc hơn về nhu cầu của người sử dụng cũng như triển khai các dịch vụ hỗ trợ chủ động, sáng tạo trong tương lai.

4.8. Hỗ trợ người sử dụng trong bối cảnh đại dịch Covid-19

Đại dịch Covid-19 đã gây ra những thách thức trên toàn thế giới và làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của con người. Bên cạnh những thách thức về sức khỏe, kinh tế, chính trị và xã hội thì còn có những thách thức liên quan đến quản lý và phổ biến thông tin, chủ yếu liên quan đến sự phát triển nhanh chóng, tính xác thực và phổ biến của thông tin. Mạng xã hội đang đóng một vai trò quan trọng trong việc cung cấp thông tin cho cộng đồng về diễn biến của đại dịch. Tuy nhiên, mạng xã hội cũng là một phương tiện để truyền tải những tin tức sai lệch có thể gây nguy hiểm cho sức khỏe của con người. Các chuyên gia thông tin đóng một vai trò quan trọng trong việc chọn lọc thông tin, loại bỏ các thông tin không trung thực và cung cấp các thông tin chất lượng đã được kiểm chứng cho cộng đồng. Ngoài ra, họ phải quản lý các thông tin khoa học về đại dịch [Aleixandre-Benavent R, Castelló-Cogollos L and Valderrama-Zurián J, 2020]. Trong bối cảnh đó, nghiên cứu của Nakitare J và cộng sự (2020) chỉ ra rằng, các CVTVĐH hiện đang đóng vai trò của các kho từ điển bách khoa, vượt ra ngoài nhiệm vụ cung cấp thông tin để trao quyền cho người sử dụng. Theo Ali M and

²Cộng đồng LGBT gồm người đồng tính nữ, đồng tính nam, song tính và chuyển giới.

Gatiti P (2020), CVTVĐH cần nâng cao nhận thức cho người sử dụng về sức khỏe cộng đồng, cung cấp các thông tin liên quan đến các biện pháp phòng ngừa bệnh, cung cấp cho các nhà nghiên cứu và giảng viên những nghiên cứu và bằng chứng mới nhất về đại dịch, và duy trì việc cung cấp các dịch vụ truyền thống cho người sử dụng trong trường hợp thư viện ngừng hoạt động.

Kết luận

Tổng quan tài liệu đã cung cấp sự hiểu biết về những chuyển đổi trong vai trò của CVTVĐH trong những năm gần đây. Kết quả nghiên cứu cho thấy có sự chuyển đổi trong vai trò của CVTVĐH từ hỗ trợ người sử dụng bằng phương thức truyền thống sang ứng dụng CNTT&TT, đặc biệt là công nghệ kỹ thuật số; từ hỗ trợ sang tham gia sâu sắc vào các hoạt động học thuật cùng với sự phản ứng tích cực với những vấn đề trong xã hội. Sự chuyển đổi này là kết quả của những tiến bộ công nghệ mà các thư viện đại học hiện đại ứng dụng vào việc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ thông tin. Khi so sánh với kết quả nghiên cứu của Halder S (2009), Cox A và Corral S (2013), Vassilakaki E and Moniarou-Papaconstantinou V (2015) và Llewellyn A (2019), có thể nhận thấy rằng, vai trò của chuyên viên thư viện trong hoạt động học thuật tiếp tục được duy trì nhưng ngày càng được mở rộng hơn. Bên cạnh đó, vai trò của CVTVĐH trong bối cảnh đại dịch Covid-19 cũng là điểm mới so với các nghiên cứu trước đây. Sự chuyển đổi này vừa là cơ hội nhưng cũng là thách thức cho các CVTVĐH. Họ phải phát triển các năng lực cần thiết để đáp ứng yêu cầu của các vai trò mới cũng như khẳng định vị trí của mình đối với cơ quan, tổ chức và cộng đồng học thuật.

Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy sự thiếu hụt các công bố khoa học về vai trò của CVTVĐH tại Việt Nam trong khoảng thời gian từ 2015 đến 2020. Với yêu cầu đổi mới trong giáo dục đại học và nghiên cứu tại Việt Nam, việc nhận diện được vai trò của CVTVĐH là cần thiết để các đơn vị đào tạo điều chỉnh nội dung giảng dạy, các đơn vị tuyển dụng xây dựng đề án việc làm, và người học phát triển năng lực của bản thân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Aleixandre-Benavent, R., Castelló-Cogollos, L. and Valderrama-Zurián, J.-C. (2020). Information and communication during the early months of Covid-19: infodemics, misinformation, and the role of information professionals. *El Profesional de La Información*, vol. 9, no. 4, 1-17.
2. Ali, M. Y. and Gatiti, P. (2020). The COVID-19 (Coronavirus) pandemic: reflections on the roles of librarians and information professionals. *Health Information & Libraries Journal*, vol. 37, no. 2, 158-162.
3. Appleton, L. and Staddon, E. (2017). Strategic approaches to teaching and learning development for art and design librarians. *Art Libraries Journal*, vol. 42, no. 2, 107-115.
4. Bautista, D. C., Durán, C. E. M., García-Quismondo, M. Á. M. and Álvarez, C. (2017). Constructing bridges for academic discourses the role of the information professional in the new academic literacy agenda for Latin America. *European Journal of Science and Theology*, vol. 13, no. 1, 149-160.
5. Bedi, S. and Walde, C. (2017). Transforming roles: Canadian academic librarians embedded in faculty research projects. *College & Research Libraries*, vol. 78, no. 3, 314-327.
6. Braddlee, D. and VanScoy, A. (2019). Bridging the chasm: faculty support roles for academic librarians in the adoption of open educational resources. *College & Research Libraries*, vol. 80, no. 4, 426-449.
7. Burns, J. (2016). Role of the information professional in the development and promotion of digital humanities content for research, teaching, and learning in the modern academic library: an Irish case study. *New Review of Academic Librarianship*, vol. 22, no. 2-3, 238-248.
8. Chukwu, S. A. J., Emezue, N., Nwaohiri, N. M. and Chima-James, N. (2018). The librarian in the digital age: a preferred nomenclature, perceptions of academic librarians in Imo State Nigeria. *Library Philosophy and Practice*, no vol., no., 1-12.

9. Ciccone, A. and Hounslow, L. (2019). Re-envisioning the role of academic librarians for the digital learning environment: the case of UniSA Online. *Journal of University Teaching & Learning Practice*, 16 (1), no page.
10. Corral, S. and Jolly, L. (2019). Innovations in learning and teaching in academic libraries: alignment, collaboration, and the social turn. *New Review of Academic Librarianship*, vol. 25, no. 2-4, 1-15.
11. Cox, A. M. and Corral, S. (2013). Evolving academic library specialties. *Journal of the American Society for Information Science and Technology*, vol. 64, no. 8, 1526-1542.
12. Ducas, A., Michaud-Ostryk, N. and Speare, M. (2020). Reinventing ourselves: new and emerging roles of academic librarians in Canadian research-intensive universities. *College & Research Libraries*, vol. 81, no. 1, 43-65.
13. Feng, J. and Zhao, N. (2015). A new role of Chinese academic librarians-The development of embedded patent information services at Nanjing Technology University Library, China. *The Journal of Academic Librarianship*, vol. 41, 292-300.
14. Gonza lez-Alcaide, G. and Poveda-Pastor, I. (2018). Emerging roles in Library and Information Science: consolidation in the scientific literature and appropriation by professionals of the discipline. *Scientometrics*, vol. 116, no. 1, 319-337.
15. Halder, S. N. (2009). Multimodal roles of library and information science professionals in present era. *International Journal of Library and Information Science*, vol. 1, no. 6, 92-99.
16. Harrison, R. (2018). Reshaping academic librarianship in the context of twenty-first century scholarly communications and information fluency: a case study of the scholarly communications management team at Imperial College London library services. *New Review of Academic Librarianship*, vol. 24, no. 3-4, 349-362.
17. Inuwa, S. and Abrizah, A. (2018). Embedded librarianship in research in Nigerian universities: practices and sources of practice knowledge. *Journal of Academic Librarianship*, vol. 44, no. 6, 738-746.
18. Llewellyn, A. (2019). Innovations in learning and teaching in academic libraries: a literature review. *New Review of Academic Librarianship*, vol. 25, no. 2-4, 129-149.
19. Lwoga, E. T. and Questier, F. (2015). Open access behaviours and perceptions of health sciences faculty and roles of information professionals. *Health Information & Libraries Journal*, vol. 32, no. 1, 37-49.
20. Mune, C. (2015). Massive open online librarianship: emerging practices in response to MOOCs. *Journal of Library & Information Services in Distance Learning*, vol. 9, no. 1-2, 89-100.
21. Nakitare, J., Sawe, E., Nyambala, J. and Kwanya, T. (2020). The emerging roles of academic librarians in Kenya: apomedaries or infomedaries? *Library Management*, vol. 41, no. 6/7, 339-353.
22. Nitecki, D. A. and Davis, M. E. K. (2019). Expanding academic librarians' roles in the research life cycle. *Libri*, vol. 69, no. 2, 117-125.
23. Ohaji, I. K., Chawner, B. and Yoong, P. (2019). The role of a data librarian in academic and research libraries. *Information Research*, vol. 24, no. 4, no page. Truy cập ngày 30/04/2021 từ <http://informationr.net/ir/24-4/paper844.html>
24. Owusu, P. K. (2018). Assessing the changing roles of university library staff: a case of Ghana Technology University College, Ghana-Accra. *Middle East Journal of Applied Science & Technology*, vol. 1, no. 1, 3-29.
25. Rahman, M. H. (2019). Changing roles of university libraries of Bangladesh: sn exploratory study. *Library Hi Tech News*, vol. 37, no. 2, 5-9.
26. Shaffer, C. (2013). The role of the library in the research enterprise. *Journal of E-Science Librarianship*, vol. 2, no. 2, 8-15.
27. Todorinova, L. and Ortiz-Myers, M. (2019). The role of the academic library in supporting LGBTQ students: a survey of librarians and library administrators at LGBTQ-friendly colleges and universities. *College & Undergraduate Libraries*, vol. 26, no. 1, 66-87.
28. Urkunde, G. (2018). Changing role of academic librarian in e-environment. *Research Journal of India*, vol. 5, no. 1, 46-48.
29. VanderPol, D. and Sakr, E. S. (2017). Translating reference expertise. *Reference Services Review*, vol. 45, no. 4, 575-583.
30. Vassilakaki, E. and Moniarou-Papaconstantinou, V. (2015). A systematic literature review informing library and information professionals' emerging roles. *New Library World*, vol. 116, no. 1/2, 37-66.
31. Yearwood, S. L., Foasberg, N. M. and Rosenberg, K. D. (2015). A survey of librarian perceptions of information literacy techniques. *Communications in Information Literacy*, vol. 9, no. 2, 186-197.
32. Zhang, Y., Xue, S. and Xue, Z. (2021). From collection curation to knowledge creation: exploring new roles of academic librarians in digital humanities research. *The Journal of Academic Librarianship*, vol. 47, no. 2, no page.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 15-5-2021;
Ngày phản biện đánh giá: 16-6-2021; Ngày
chấp nhận đăng: 15-7-2021).